

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2 4 0 2 /BCT-XNK
V/v đề nghị thẩm định dự thảo
Nghị định về kiểm soát thương mại
chiến lược

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, Bộ Công Thương có Tờ trình số 276/TTr-BCT trình Thủ tướng Chính phủ đề xuất xây dựng và áp dụng quy trình, thủ tục rút gọn đối với Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược. Tại công văn số 1391/VPCP-KTTH ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn đã cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc xây dựng Nghị định này.

Căn cứ theo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành Nghị định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Công Thương xin gửi Hồ sơ Dự thảo Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược để Bộ Tư pháp thực hiện thẩm định Dự thảo theo quy định.

Hồ sơ phục vụ thẩm định gồm có:

1. Dự thảo Tờ trình Chính phủ.
2. Dự thảo Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược.
3. Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, XNK.



Nguyễn Sinh Nhật Tân



TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược

(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Bộ Công Thương kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Kiểm soát thương mại chiến lược (strategic trade control) là khái niệm được đưa ra và thực thi từ sau khi Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc năm 2004 ban hành Nghị quyết 1540 về chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, theo đó yêu cầu các nước thành viên phải “*thiết lập, phát triển, rà soát và duy trì hệ thống kiểm soát hàng hóa trung chuyển và xuất khẩu phù hợp và hiệu quả*” để ngăn chặn các loại nguyên vật liệu liên quan đến các loại vũ khí hạt nhân, hóa học và vũ khí sinh học cũng như các phương tiện chuyên chở chúng.

Kiểm soát thương mại chiến lược không phải là một thỏa thuận hay hiệp định song phương mà là hệ thống pháp lý và quy trình của một quốc gia yêu cầu một số mặt hàng xuất khẩu từ quốc gia mình sang quốc gia khác phải được cấp phép vì mục đích an ninh quốc gia, chính sách đối ngoại, hoặc chính sách kinh tế.

Trong bối cảnh các thách thức an ninh tiếp tục diễn biến nhanh và phức tạp, kiểm soát thương mại chiến lược được các nước mở rộng không chỉ kiểm soát xuất khẩu hàng hoá hữu hình, mà còn kiểm soát cả công nghệ, phần mềm, dữ liệu, an ninh mạng, đầu tư của nước ngoài, đầu tư ra nước ngoài,... Mục tiêu mở rộng đến việc ngăn chặn các quốc gia thù địch tiếp cận công nghệ, tăng hiệu quả biện pháp cấm vận.

Về phía Việt Nam, ta đã phê chuẩn hầu hết các công ước quốc tế, hiệp ước liên quan tới hoạt động chống phổ biến như: Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân (1968), Công ước vũ khí hóa học (1997), Công ước Vũ khí sinh học (1975), Hiệp ước Thương mại vũ khí, Bộ quy tắc ứng xử Hague về chống phổ biến tên lửa đạn đạo.

Đối chiếu với khung pháp lý của các quốc gia đã triển khai hoạt động kiểm soát xuất khẩu được một thời gian dài, về cơ bản, Việt Nam đã có những quy định về kiểm soát xuất nhập khẩu các mặt hàng phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; mặt hàng ảnh hưởng tới quốc phòng, an ninh; mặt hàng hạn chế xuất nhập khẩu theo các công ước.

Việt Nam cũng đã hoàn thiện khung pháp lý liên quan như: ban hành Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008; Luật Hóa chất năm 2007 và Nghị định số 38/2014/NĐ-CP về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016, số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 và số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ); Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm năm 2007; Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 năm 2024 và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành; Thông tư số 02/2011/TT-BKHCN ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thực hiện kiểm soát vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn;...

Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương quy định cụ thể như sau:

(i) “Vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ (trừ vật liệu nổ công nghiệp), trang thiết bị kỹ thuật quân sự” thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu.

(ii) “a) Hóa chất Bảng 1 được quy định trong Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.

b) Hóa chất thuộc Danh mục hóa chất cấm quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật hóa chất.” thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu.

(iii) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xem xét, cho phép tạm nhập, tái xuất vũ khí, khí tài, trang thiết bị quân sự, an ninh phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

(iv) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xem xét, cho phép tạm xuất, tái nhập vũ khí, khí tài, trang thiết bị quân sự, an ninh để sửa chữa phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

(v) Đối với hàng hóa là vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an báo cáo

Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc cho phép quá cảnh.

Tuy nhiên, Việt Nam chưa có văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng. Do đặc tính lưỡng dụng của sản phẩm đòi hỏi việc quản lý không chỉ theo đặc tính của mặt hàng hiện tại mà cần kiểm soát về mục đích sử dụng, các chủ thể tham gia vào hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, sản xuất hàng hoá. Việt Nam cũng chưa có Danh mục hàng hóa lưỡng dụng cụ thể, chưa có cơ chế kiểm soát xuất khẩu đối với các hàng hoá lưỡng dụng. Việc thiếu các quy định liên quan đến hàng hóa lưỡng dụng, dẫn đến việc triển khai kiểm soát mua bán quốc tế, kiểm soát biên giới đối với những mặt hàng này còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

Điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 quy định Chính phủ ban hành Nghị định để quy định: Các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Hiến pháp; các biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, viên chức, quyền, nghĩa vụ của công dân và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ; những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của từ 02 Bộ, cơ quan ngang Bộ trở lên; nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ; phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn.

Theo quy định tại Luật Ban hành văn bản pháp luật, tại Tờ trình số 276/BCT-XNK ngày 31 tháng 3 năm 2025, Bộ Công Thương đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ về đề xuất xây dựng và áp dụng quy trình thủ tục rút gọn đối với Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược.

Theo đó, tại văn bản số 1391/VPCP-KTTH ngày 01 tháng 4 năm 2025, Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn đã đồng ý với các đề xuất của Bộ Công Thương tại văn bản nêu trên về việc xây dựng, ban hành Nghị định của Chính phủ về kiểm soát thương mại chiến lược theo trình tự, thủ tục rút gọn.

2. Cơ sở thực tiễn

Việc khẩn trương xây dựng và ban hành Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược là hết sức cần thiết trong bối cảnh hiện nay, nhất là khi Việt Nam đang tập trung mọi nguồn lực để xây dựng một nền kinh tế hiện đại, bền vững và có sức cạnh tranh cao trên thị trường:

Thứ nhất, việc thực thi cơ chế kiểm soát thương mại chiến lược là một trong những nội dung các nước phát triển đang đề nghị Việt Nam phối hợp triển khai, bởi qua thực tiễn thực hiện, các quốc gia này thấy rằng hiệu quả của hoạt động kiểm soát xuất khẩu sẽ gia tăng khi có nhiều hơn các quốc gia cùng triển

khai cơ chế này, vì trên thực tế trong các hoạt động phổ biến, vận chuyển vũ khí hủy diệt hàng loạt và công cụ liên quan, nhiều tổ chức đã sử dụng con đường thương mại, thông qua hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh qua một hay một số nước khác. Những hàng hóa này có thể là hàng hóa lưỡng dụng, được sản xuất, mua bán cho mục đích dân sự thông thường, nhưng cũng có thể sử dụng cho việc thiết kế, chế tạo các sản phẩm quân sự. Do vậy, các nước phát triển đã triển khai kiểm soát thương mại chiến lược để xuất các nước khác cùng phối hợp triển khai để đảm bảo an ninh.

Công tác kiểm soát thương mại chiến lược vừa là nghĩa vụ của Việt Nam trong thực thi điều ước, thỏa thuận quốc tế, vừa là thể hiện trách nhiệm của Việt Nam trong bảo vệ an ninh, hòa bình quốc tế. Việt Nam với vị thế là quốc gia có kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng mạnh, trong top 20 nước có quy mô thương mại lớn nhất, có quan hệ thương mại với hầu hết các quốc gia trên thế giới và có diện mặt hàng xuất nhập khẩu đa dạng, càng được quan tâm đề nghị xây dựng khung pháp lý về kiểm soát thương mại chiến lược, đưa vào các chương trình phối hợp song phương.

Thứ hai, xu hướng dịch chuyển của các chuỗi cung ứng toàn cầu đã giúp Việt Nam dần trở thành điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, đặc biệt đối với các ngành sản xuất các sản phẩm công nghệ cao như điện tử, máy tính và đặc biệt là công nghệ bán dẫn. Để đảm bảo các hoạt động chuyển giao công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất các sản phẩm công nghệ cao, các đối tác thương mại lớn cũng đã đề xuất Việt Nam nghiên cứu, xây dựng cơ chế kiểm soát thương mại chiến lược nhằm nâng cao năng lực kiểm soát công nghệ, tăng khả năng thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, giảm thiểu khả năng các công nghệ nguồn này bị đưa sang nước thứ ba khi chưa được sự đồng ý của quốc gia xuất khẩu.

Thứ ba, để đảm bảo có một cơ chế kiểm soát thương mại chiến lược hiệu quả thì điều quan trọng nhất đó là có một cơ chế phối hợp tốt giữa các cơ quan Chính phủ. Cụ thể, do phạm vi hàng hóa chiến lược tương đối rộng, có tính chất kỹ thuật chuyên ngành cao, do đó đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan cấp phép và các Bộ chuyên ngành, viện nghiên cứu. Bên cạnh đó, để kiểm soát hiệu quả cơ chế này còn đòi hỏi sự vào cuộc và phối hợp chặt chẽ của các cơ quan thực thi như: hải quan, công an và quân đội. Việc phối hợp giữa các cơ quan không chỉ đóng vai trò quan trọng ở khâu thực thi mà còn cần thiết ở ngay quá trình xây dựng chính sách, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý.

Thứ tư, việc thiếu các quy định cụ thể về kiểm soát đối với hàng hóa lưỡng dụng có thể dẫn đến sự lợi dụng các kẽ hở của pháp luật để sử dụng Việt Nam là nơi mua bán, nghiên cứu sản xuất vũ khí hủy diệt hàng loạt, gây rủi ro đến an ninh trong nước và quốc tế, không đảm bảo tính minh bạch của hệ thống pháp luật, theo đó làm giảm tính hiệu quả của hệ thống pháp luật và năng lực

quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động kiểm soát các hàng hóa lưỡng dụng.

Với cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, nhằm thiết lập cơ chế quản lý, kiểm soát công khai, minh bạch đối với hàng hóa lưỡng dụng, Chính phủ ban hành Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) là cần thiết và phù hợp.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành văn bản

- Hoàn thiện khung khổ pháp lý về kiểm soát thương mại chiến lược, trong đó, xác định rõ khái niệm hàng hóa thương mại chiến lược, hàng hóa lưỡng dụng, danh mục hàng hóa lưỡng dụng cần kiểm soát để xây dựng các biện pháp quản lý chặt chẽ, hiệu quả, nhằm đảm bảo hàng hóa lưỡng dụng được kiểm soát và không sử dụng vào các mục đích phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

- Giải quyết những khó khăn hiện hữu trong công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát đối với hàng hóa lưỡng dụng do thiếu các quy định cụ thể, thiếu cơ chế phối hợp và phân công trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan đến quản lý nhà nước về hàng hóa lưỡng dụng, thiếu quy định cụ thể đối với thương nhân thực hiện các hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế đối với hàng hóa lưỡng dụng do vậy không áp dụng được chế tài xử lý vi phạm.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quản lý của các nước và mục đích nêu trên, Nghị định này được xây dựng theo nguyên tắc sau đây:

- Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.

- Bảo đảm tính minh bạch, ổn định, thống nhất trong quy định của văn bản quy phạm pháp luật.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về kiểm soát thương mại chiến lược thông qua việc quy định cụ thể, chi tiết về kiểm soát các hoạt động xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, quá cảnh, trung chuyển, chuyển khẩu các hàng hóa lưỡng dụng đáp ứng yêu cầu thực tiễn, trách nhiệm thực thi các điều ước, thỏa thuận quốc tế của Việt Nam.

- Bảo đảm thực thi hiệu quả cơ chế kiểm soát thương mại chiến lược nhằm tăng cường bảo vệ an ninh của quốc gia, của đối tác thương mại đồng thời không làm ảnh hưởng đến hoạt động thương mại thông thường, không tạo thêm quá nhiều gánh nặng về chi phí, thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Mục tiêu quản lý của dự thảo Nghị định này là để kiểm soát hàng hóa hàng hóa thương mại chiến lược sản xuất tại Việt Nam để xuất khẩu hoặc trung chuyển qua Việt Nam đi các nước khác, giảm thiểu khả năng các hàng hóa này khi di chuyển qua biên giới được sử dụng vào các mục đích quân sự, chế tạo vũ khí hủy diệt hàng loạt. Vì vậy, cơ quan soạn thảo đề xuất phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định như sau:

- Nghị định này quy định việc quản lý xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa thương mại chiến lược.

- Nghị định này không áp dụng đối với việc xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

2. Đối tượng áp dụng

- Nghị định này áp dụng đối với thương nhân xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa thương mại chiến lược; các cơ quan, tổ chức có liên quan.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Theo quy định tại Luật Ban hành văn bản pháp luật năm 2025, Bộ Công Thương đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ về đề xuất xây dựng và áp dụng quy trình, thủ tục rút gọn đối với Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược. Trong đó, Bộ Công Thương đề xuất 4 chính sách, nội dung lớn tại dự thảo Nghị định gồm:

- Chính sách 1: Xây dựng khái niệm hàng hóa lưỡng dụng và Danh mục hàng hóa lưỡng dụng;

- Chính sách 2: Quy định cơ chế quản lý xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển hàng hóa lưỡng dụng;

- Chính sách 3: Quy định về việc áp dụng Chương trình tuân thủ nội bộ;

- Chính sách 4: Quy định trách nhiệm của thương nhân thực hiện xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, quá cảnh, trung chuyển, chuyển khẩu hàng hóa lưỡng dụng và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng.

Về cơ bản, các quy định tại dự thảo Nghị định đều phù hợp với các chính sách đã được thông qua trong đề xuất xây dựng Nghị định. Riêng với chính sách 1, trong đề xuất xây dựng Nghị định, Bộ Công Thương đề xuất: “Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định ban hành Danh mục hàng hoá lưỡng dụng theo từng

thời kỳ trên cơ sở đề xuất của Bộ Công Thương (là Bộ chủ trì), phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tài chính và các Bộ quản lý chuyên ngành (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng)”.

Tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, để đảm bảo sự linh hoạt trong việc ban hành Danh mục, thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp, Bộ Công Thương đề xuất chỉnh sửa quy định theo hướng: giao các Bộ theo phân công thẩm quyền quản lý trao đổi thống nhất với Bộ Quốc phòng, Công an, Tài chính, Ngoại giao ban hành Danh mục chi tiết hàng hóa lưỡng dụng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ kèm theo mã hàng và đặc điểm kỹ thuật, công nghệ của hàng hóa.

2. Theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1391/VPCP-KTTH ngày 01 tháng 4 năm 2025, dự thảo Nghị định được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn. Theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Công Thương đã tiến hành xây dựng dự thảo Nghị định như sau:

- Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 916/QĐ-BCT ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược, gồm đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ: Công Thương, Tư pháp, Tài chính, Quốc phòng, Công an, Y tế, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Ngày 01 tháng 4 năm 2025, Bộ Công Thương đã tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập xin ý kiến về các nội dung chính của dự thảo Nghị định.

- Ngày 01 tháng 4 năm 2025, Bộ Công Thương đã đăng tải công khai dự thảo Nghị định để lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương. Bộ Công Thương cũng đã có văn bản gửi xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan về dự thảo 2 Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược. Đến nay, Bộ Công Thương chưa nhận được ý kiến góp ý đối với hồ sơ dự thảo Nghị định.

- Ngày 04 tháng 4 năm 2025, Bộ Công Thương đã chỉnh sửa dự thảo Nghị định trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia của thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập và gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

- Ngày .. tháng 4 năm 2025, Bộ Tư pháp đã tiến hành họp thẩm định dự thảo Nghị định với sự tham gia của các Bộ, ngành, đơn vị liên quan.

- Ngày .. tháng .. năm 2025, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị định.

- Ngày .. tháng .. năm 2025, Bộ Công Thương đã tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH

VI. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 4 Chương, 19 Điều và 8 Phụ lục kèm theo.

- Chương I - Quy định chung: Gồm 5 Điều, Phạm vi điều chỉnh (Điều 1), Đối tượng áp dụng (Điều 2), Giải thích từ ngữ (Điều 3), Nguyên tắc quản lý hàng hóa thương mại chiến lược (Điều 4), Danh mục hàng hóa lưỡng dụng (Điều 5).

- Chương II - Xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển quá cảnh hàng hóa lưỡng dụng: Gồm 4 Điều, từ Điều 6 đến Điều 9.

- Chương III - Chương trình tuân thủ nội bộ: Gồm 7 Điều, từ Điều 10 đến Điều 16.

- Chương IV - Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành: Gồm 3 Điều, từ Điều 17 đến Điều 19.

- Các phụ lục kèm theo: Gồm 8 Phụ lục, cụ thể:

(i) Phụ lục I: “Thẩm quyền ban hành Danh mục và cấp phép đối với hàng hóa lưỡng dụng”.

(ii) Phụ lục II: “Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa lưỡng dụng”.

(iii) Phụ lục III: “Mẫu báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép đối với hàng hóa lưỡng dụng”

(iv) Phụ lục IV: “Mẫu báo cáo tình hình xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa lưỡng dụng”

(v) Phụ lục V: “Yêu cầu đối với các Bộ quy trình trong Chương trình tuân thủ nội bộ”.

(vi) Phụ lục VI: “Mẫu đơn đề nghị phê duyệt Chương trình tuân thủ nội bộ”.

(vii) Phụ lục VII: “Mẫu đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin về Chương trình tuân thủ nội bộ”

(viii) Phụ lục VIII: “Mẫu đơn đề nghị xác nhận tuân thủ Chương trình tuân thủ nội bộ”.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định

- Nghị định này quy định việc quản lý xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa thương mại chiến lược.

- Nghị định này không áp dụng đối với việc xuất khẩu, tạm nhập tái xuất,

chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

- Nghị định này áp dụng đối với thương nhân xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa thương mại chiến lược; các cơ quan, tổ chức có liên quan.

2.2. Nguyên tắc quản lý hàng hóa thương mại chiến lược

Hàng hóa thương mại chiến lược là vũ khí hủy diệt hàng loạt, vũ khí thông thường và các hàng hóa liên quan khác được sử dụng để phát triển, sản xuất hay sử dụng và các phương thức vận chuyển, phát tán những vũ khí này.

Trong đó, Nghị định quy định:

- Việc quản lý các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt, vũ khí thông thường, và các phương thức vận chuyển, phát tán những vũ khí này thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

- Đối với hàng hóa lưỡng dụng - hàng hoá và công nghệ thường được sử dụng cho mục đích dân sự nhưng có thể có ứng dụng quân sự hoặc được sử dụng để phát triển, sản xuất hay sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này đồng thời phải thực hiện quy định pháp luật hiện hành về quản lý ngoại thương, thương mại, pháp luật chuyên ngành, pháp luật thuế, hải quan, pháp luật khác.

2.3. Danh mục hàng hóa lưỡng dụng

- Hàng hóa lưỡng dụng bao gồm hàng hóa thuộc các nhóm Hạt nhân và vật liệu đặc biệt; Vật liệu điện tử; Điện tử; Máy vi tính; Viễn thông, cảm biến và laser; Hàng không; Hàng hải; Hàng không vũ trụ; Vật phẩm sinh hoá; Kim loại; Hoá chất.

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tại Phụ lục I Nghị định phân công thẩm quyền quản lý các nhóm hàng hóa lưỡng dụng trên như sau:

+ Bộ Khoa học và Công nghệ: Hạt nhân và vật liệu đặc biệt; Vật liệu điện tử; Điện tử; Máy vi tính; Viễn thông, cảm biến và laser.

+ Bộ Xây dựng: Hàng không; Hàng hải; Hàng không vũ trụ.

+ Bộ Y tế: Vật phẩm sinh hoá.

+ Bộ Công Thương: Kim loại; Hoá chất.

- Nguyên tắc xây dựng Danh mục hàng hóa lưỡng dụng:

Trên thế giới có một số danh mục hàng hoá lưỡng dụng chủ yếu đang được sử dụng:

(i) Danh mục hàng hoá lưỡng dụng của EU (Annex I của Quy định (EU) 2021/821).

(ii) Danh mục Commerce Control List (CCL) của Hoa Kỳ.

(iii) Danh sách WA (Wassenaar Arrangement) - Thỏa thuận đa phương kiểm soát hàng lưỡng dụng.

Các danh mục này cơ bản được thiết kế theo một hệ thống đánh số riêng, chẳng hạn ECCN - Export Control Classification Number của Hoa Kỳ gồm 5 ký tự. Mỗi ECCN có dạng như sau: 3A001, trong đó:

Chữ số đầu tiên (ví dụ: 3): nhóm lĩnh vực (electronics, hóa học, v.v.). Có 10 nhóm lĩnh vực liên quan.¹

Chữ cái thứ hai (ví dụ: A): loại hàng hoá (hệ thống, linh kiện, phần mềm, công nghệ...)

Ba chữ số cuối (ví dụ: 001): thứ tự định danh chi tiết.

Danh mục này có ưu điểm là: Phân loại kỹ lưỡng về công nghệ, mức độ nhạy cảm, khả năng ứng dụng quân sự; Phù hợp với kiểm soát các công nghệ cao (AI, mã hóa, vũ khí, sinh học...). Tuy nhiên, việc thực thi trên thực tế phức tạp, khó phân loại nếu không quen hoặc không có dữ liệu kỹ thuật chi tiết, đòi hỏi nguồn lực cả về nhân lực và thời gian cho cả cơ quan thực thi và doanh nghiệp.

Thực tiễn một số quốc gia ban hành Danh mục theo bảng mã HS, mặc dù có thể chưa đủ chi tiết nhưng dễ sử dụng, thuận tiện và thống nhất trong quản lý.

Theo đó, dự thảo Nghị định đề xuất:

+ Xây dựng Danh mục hàng hoá lưỡng dụng theo bảng mã HS, kèm theo chi tiết về đặc điểm kỹ thuật, công nghệ. Đồng thời Danh mục hàng hóa lưỡng dụng được áp dụng theo nguyên tắc: các mặt hàng sẽ chỉ thuộc diện kiểm soát nếu có mã HS thuộc bảng danh mục, đồng thời có các đặc điểm kỹ thuật công nghệ như nội dung được chi tiết kèm theo mã HS đó trong danh mục.

+ Các Bộ theo phân công tại Phụ lục I Nghị định và trao đổi thống nhất với Bộ Quốc phòng, Công an, Tài chính, Ngoại giao ban hành Danh mục chi tiết hàng hóa lưỡng dụng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ kèm theo mã hàng và đặc điểm kỹ thuật, công nghệ của hàng hóa.

2.4. Quy định về việc cấp phép xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh, trung chuyển hàng hóa lưỡng dụng

- Thương nhân xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh, trung

¹ 0: hạt nhân và vật liệu đặc biệt; 1: vật liệu và hoá chất; 2: Vật liệu điện tử; 3: Điện tử; 4: Máy tính; 5: Viễn thông và bảo mật thông tin; 6: Cảm biến và laser; 7: Hàng không và hàng hải; 8: Hệ thống hàng hải; 9: Hàng không vũ trụ và lực đẩy

chuyển hàng hóa lưỡng dụng phải có giấy phép.

- Các bộ theo phân công tại Phụ lục I Nghị định này (sau đây gọi là cơ quan cấp phép) chịu trách nhiệm việc cấp phép theo quy định tại Nghị định này.

- Giấy phép đối với hàng hóa lưỡng dụng gồm 02 loại:

- a) Giấy phép theo lô hàng.

- b) Giấy phép theo thời hạn.

- Giấy phép theo thời hạn được áp dụng cho các thương nhân đã xây dựng và thực hiện Chương trình tuân thủ nội bộ theo quy định tại Nghị định này từ 2 năm trở lên và được Bộ Công Thương xác nhận việc tuân thủ này.

- Giấy phép theo thời hạn có hiệu lực 12 tháng và không hạn chế số lượng hàng hóa lưỡng dụng xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh, trung chuyển theo Giấy phép trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép.

- Nghị định quy định cụ thể về hồ sơ, quy trình cấp phép, các trường hợp thu hồi Giấy phép đã cấp.

2.5. Quy định về Chương trình tuân thủ nội bộ

- Nghị định ban hành “Chương trình tuân thủ nội bộ”. Đây là bộ quy trình được thương nhân tham gia vào hoạt động xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa lưỡng dụng xây dựng để tổ chức thực hiện bắt buộc trong nội bộ doanh nghiệp nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định của Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan tới hoạt động kiểm soát thương mại chiến lược.

Chương trình tuân thủ nội bộ gồm các bộ quy trình:

- (1) Làm rõ trách nhiệm của doanh nghiệp, trách nhiệm ban điều hành của công ty, trách nhiệm của các bộ phận và nhân viên về kiểm soát thương mại chiến lược theo quy định của pháp luật.

- (2) Bộ quy trình về rà soát người sử dụng cuối và mục đích sử dụng của hàng hóa trong giao dịch;

- (3) Bộ quy trình về cách thức cập nhật các quy định pháp luật về kiểm soát thương mại chiến lược;

- (4) Bộ quy trình về đào tạo nội bộ liên quan tới lĩnh vực này;

- (5) Bộ quy trình về lưu trữ thông tin và tài liệu.

- (6) Bộ quy trình về nghĩa vụ thông báo.

- Yêu cầu đối với các bộ quy trình trong Chương trình tuân thủ nội bộ quy định tại Phụ lục III Nghị định.

- Thương nhân xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển,

quá cảnh hàng hóa lưỡng dụng được khuyến khích xây dựng Chương trình tuân thủ nội bộ để đảm bảo tuân thủ Nghị định này trong việc thực hiện các giao dịch mặt hàng lưỡng dụng.

- Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với các Bộ liên quan phê duyệt thương nhân đáp ứng quy định về Chương trình tuân thủ nội bộ và xem xét, xác nhận việc thương nhân thực hiện nghiêm túc Chương trình tuân thủ nội bộ từ 2 năm trở lên, làm cơ sở để xem xét cấp Giấy phép theo thời hạn quy định tại Nghị định này.

- Nghị định quy định cụ thể về hồ sơ, quy trình đề nghị phê duyệt Chương trình tuân thủ nội bộ; gia hạn hiệu lực; sửa đổi, bổ sung thông tin và các trường hợp thu hồi Quyết định phê duyệt Chương trình tuân thủ nội bộ; trình tự, thủ tục xác nhận việc tuân thủ Chương trình tuân thủ nội bộ của thương nhân.

2.6. Trách nhiệm của thương nhân xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa lưỡng dụng

Dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm cụ thể của thương nhân tham gia các hoạt động ngoại thương có liên quan đến hàng hóa lưỡng dụng gồm trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ khai báo hàng hóa lưỡng dụng và các tài liệu xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền; trách nhiệm trong tổ chức làm việc và cung cấp các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan cấp phép và các cơ quan liên quan và trách nhiệm lưu trữ hồ sơ.

2.7. Hiệu lực của Nghị định

Khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành; đồng thời phải được đăng tải ngay trên công báo điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng”.

Tại văn bản số 1391/VPCP-KTTH ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn có ý kiến đồng ý áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành dự thảo Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược. Theo đó, dự thảo Nghị định quy định hiệu lực Nghị định kể từ ngày ký ban hành.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Với các chính sách nêu trên, về cơ bản, việc triển khai thực hiện Nghị định sau khi được thông qua vẫn được đảm bảo bởi nguồn ngân sách nhà nước cấp và nguồn nhân lực hiện có của các Bộ quản lý chuyên ngành, cơ quan hải quan, không làm phát sinh thêm bộ máy tổ chức, nhân lực, cơ sở vật chất để

triển khai thực hiện chính sách sau khi Nghị định được thông qua.

Sau khi dự thảo Nghị định được ban hành, sẽ phát sinh một khoản kinh phí để thực thi Nghị định, cụ thể: Chi phí tuyên truyền, phổ biến nội dung của dự thảo Nghị định; Chi phí phục vụ theo dõi, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Nghị định; Chi phí phổ biến, đào tạo cán bộ hải quan về năng lực nhận biết, xác định hàng hoá thuộc diện kiểm soát thương mại chiến lược.

VIII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Theo công văn số .../BCT-XNK ngày tháng 4 năm 2025 về việc xin ý kiến về dự thảo Hồ sơ Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược, Bộ Công Thương đã nhận được ý kiến của ... Bộ, gồm:

Về cơ bản, hầu hết các Bộ đều thống nhất ý kiến về quan điểm xây dựng, sự cần thiết, căn cứ pháp lý và các nội dung, chính sách lớn tại dự thảo Nghị định. Một số ý kiến mang tính kỹ thuật, Bộ Công Thương đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định. Các ý kiến liên quan đến nội dung của dự thảo Nghị định, Bộ Công Thương đã tổng hợp tại Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến (đính kèm).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược, Bộ Công Thương xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

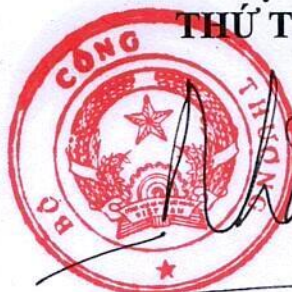
Xin gửi kèm theo:

1. Dự thảo 3 Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược.
2. Báo cáo đánh giá tác động của thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược.
3. Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược.
4. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Công Thương.
5. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, XNK (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân



Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo 3**NGHỊ ĐỊNH**
Về kiểm soát thương mại chiến lược

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự);

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định về kiểm soát thương mại chiến lược.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định việc quản lý xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa thương mại chiến lược.

2. Nghị định này không áp dụng đối với việc xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với thương nhân xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa thương mại chiến lược; các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hàng hóa thương mại chiến lược là vũ khí hủy diệt hàng loạt, vũ khí thông thường và các hàng hóa liên quan khác được sử dụng để phát triển, sản xuất hay sử dụng và các phương thức vận chuyển, phát tán những vũ khí này.

2. Hàng hóa lưỡng dụng là hàng hoá và công nghệ thường được sử dụng cho mục đích dân sự nhưng có thể có ứng dụng quân sự hoặc được sử dụng để phát triển, sản xuất hay sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Người sử dụng cuối cùng là người ở bên ngoài hoặc bên trong lãnh thổ Việt Nam, là người nhận và là người sử dụng cuối cùng của hàng hóa lưỡng dụng.

4. Vũ khí hủy diệt hàng loạt là loại vũ khí có khả năng gây cho đối phương tổn thất rất lớn về sinh lực, phương tiện kỹ thuật, cơ sở kinh tế, quốc phòng, môi trường sinh thái, có tác động mạnh đến tâm lý-tinh thần. Vũ khí hủy diệt hàng loạt bao gồm: vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí phóng xạ và bất kỳ loại vũ khí nào được chế tạo trong tương lai có tác động phá hủy tương đương.

5. Tổ chức, cá nhân bị chỉ định là một nhóm người, một người, pháp nhân hoặc chủ thể tham gia vào việc phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được liệt kê trong các nghị quyết, thông báo thuộc Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ban hành theo Chương VII Hiến chương Liên hợp quốc hoặc do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác lập.

6. Mã hàng (mã HS) là mã số của hàng hóa trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, được xây dựng dựa trên Hệ thống HS của Tổ chức Hải quan Thế giới và phân loại chi tiết theo Biểu thuế của Việt Nam.

7. Đặc điểm kỹ thuật, công nghệ là các thông tin thể hiện tính năng, khả năng, phạm vi ứng dụng, thông số kỹ thuật, cấu trúc, thiết kế, tài liệu kỹ thuật mô tả sản phẩm hoặc công nghệ.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý hàng hóa thương mại chiến lược

1. Việc quản lý các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt, vũ khí thông thường và các phương thức vận chuyển, phát tán những vũ khí này thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Hàng hóa lưỡng dụng quy định tại Điều 5 Nghị định này phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật hiện hành về quản lý ngoại thương, thương mại, pháp luật chuyên ngành, pháp luật thuế, hải quan, pháp luật khác.

Điều 5. Danh mục hàng hóa lưỡng dụng

1. Thẩm quyền ban hành Danh mục hàng hóa lưỡng dụng và cấp phép đối với hàng hóa lưỡng dụng quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

2. Căn cứ yêu cầu quản lý và trao đổi, thống nhất với các nước có liên quan thông qua con đường ngoại giao do Bộ Ngoại giao làm đầu mối, các Bộ theo phân

công tại Phụ lục I Nghị định này thống nhất với Bộ Quốc phòng, Công an, Tài chính ban hành Danh mục chi tiết hàng hóa lưỡng dụng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ kèm theo mã hàng và đặc điểm kỹ thuật, công nghệ của hàng hóa.

3. Danh mục chi tiết hàng hóa lưỡng dụng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ quy định tại khoản 2 Điều này chỉ áp dụng đối với hàng hóa mà cả mã hàng, mô tả và đặc điểm kỹ thuật, công nghệ trùng với quy định về mã hàng, mô tả và đặc điểm kỹ thuật, công nghệ tại Danh mục.

Chương II

XUẤT KHẨU, TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN KHẨU, TRUNG CHUYỂN, QUÁ CẢNH HÀNG HÓA LƯƠNG DỤNG

Điều 6. Cấp phép đối với hàng hóa lưỡng dụng

1. Các Bộ theo phân công tại Phụ lục I Nghị định này (sau đây gọi là cơ quan cấp phép) chịu trách nhiệm cấp giấy phép xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa lưỡng dụng theo quy định tại Nghị định này.

2. Giấy phép xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh, trung chuyển hàng hóa lưỡng dụng gồm 02 loại:

- a) Giấy phép theo lô hàng.
- b) Giấy phép theo thời hạn.

3. Giấy phép theo thời hạn được xem xét, áp dụng cho các thương nhân đã được Bộ Công Thương xác nhận tuân thủ Chương trình tuân thủ nội bộ từ 2 năm trở lên theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

4. Giấy phép theo thời hạn có hiệu lực 12 tháng và không hạn chế số lượng hàng hóa lưỡng dụng xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh, trung chuyển theo Giấy phép trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép.

Điều 7. Hồ sơ, quy trình cấp giấy phép xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa lưỡng dụng

1. Tùy theo phân công quản lý tại Phụ lục I Nghị định này, thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa lưỡng dụng trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có áp dụng) tới cơ quan cấp phép. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp phép xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa lưỡng dụng theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản chính).

b) Văn bản của thương nhân đề nghị cấp phép cam kết việc hàng hóa không được sử dụng cho mục đích sản xuất vũ khí hủy diệt hàng loạt và không cung cấp cho các tổ chức, cá nhân bị chỉ định (01 bản chính).

c) Các chứng từ có liên quan đến lô hàng lưỡng dụng: hợp đồng xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển; giấy phép của cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành (nếu có) (01 bản sao).

d) Báo cáo tình hình xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh, trung chuyển hàng hóa lưỡng dụng theo giấy phép đã được cấp trước đó theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản chính) (trừ trường hợp thương nhân đề nghị cấp giấy phép theo thời hạn).

đ) Văn bản xác nhận của Bộ Công Thương về việc thương nhân đã tuân thủ nghiêm túc Chương trình tuân thủ nội bộ theo quy định tại Điều 16 Nghị định này (chỉ áp dụng với trường hợp thương nhân đề nghị cấp giấy phép theo thời hạn).

2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp phép thông báo bằng văn bản cho thương nhân để bổ sung, hoàn thiện.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp phép xem xét cấp Giấy phép cho thương nhân. Trường hợp không cấp, cơ quan cấp phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy phép, cấp lại do mất, thất lạc Giấy phép, thương nhân gửi văn bản đề nghị kèm theo các tài liệu chứng minh có liên quan đến cơ quan cấp phép. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan cấp phép xem xét sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cơ quan cấp phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 8. Thu hồi Giấy phép xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa lưỡng dụng

Cơ quan cấp phép thu hồi Giấy phép xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa lưỡng dụng đã cấp cho thương nhân trong trường hợp:

a) Phát hiện thương nhân khai báo thông tin liên quan đến việc đề nghị cấp Giấy phép không trung thực, không chính xác hoặc không thực hiện đúng Giấy phép.